



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Quản trị tài chính doanh nghiệp**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	FIN307	Nhập môn ngành QT Tài chính doanh nghiệp	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	FIN304	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN301	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 5 học phần)	TC	3							
	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	BUS306	Thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN427	Thị trường tài chính	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 3		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
02	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	TC	3							
	SOS203	Các nền văn minh thế giới			3					K. GDĐC	
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
03	FIN420	Tài chính doanh nghiệp cơ bản	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAN409	Quản trị chiến lược			3					K. Kinh tế	
	FIN422	Tài chính quốc tế			3					K. Kinh tế	
	ACC412	Kiểm toán căn bản			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 6											
01	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	FIN418	Tài chính cá nhân	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN421	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	BB	3	3					K. Kinh tế	
05	FIN405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					K. Kinh tế	
06		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	PSY201	Tâm lý học đại cương			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 6		16	16	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	FIN407	Định giá doanh nghiệp	BB	3	3					K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
03	FIN428	Thuế	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN433	Thực tập 1 QT Tài chính doanh nghiệp	BB	2			2			K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	BUS415	Dự báo kinh doanh và phân tích dữ liệu			3					K. Kinh tế	
	PRO408	Quản lý danh mục đầu tư			3					K. Kinh tế	
	BUS430	Truyền thông trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 7		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	BB	3	3					K. Kinh tế	
02	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	FIN432	Thực tập nghề nghiệp QT Tài chính doanh nghiệp	BB	2			2			K. Kinh tế	
04		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	FIN408	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối			3					K. Kinh tế	
	ACC409	Kế toán quản trị			3					K. Kinh tế	
	ACC410	Kế toán tài chính căn bản			3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ACC409	Tài chính công ty đa quốc gia			3					K. Kinh tế	
	BUS431	Lập phương án kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	FIN413	Phân tích tài chính trên excel			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 9											
01	FIN535	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. Kinh tế	
02	FIN533	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. Kinh tế	
		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	TC	9							
03	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	TC	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN434	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TC	3	3					K. Kinh tế	
05	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		12	9	0	3	0	9		

Ghi chú: 1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		

3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải